

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1984; thường trú: Số 45/4 khu phố T1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Thanh H, sinh năm 1981; thường trú: Số 45/4 khu phố T1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Đoàn Văn Hùng tự nguyện chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T3 (nay là phường P, thành phố T3), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 04, ngày 05/11/2002. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Dĩ An, Bình Dương.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, cụ thể: Hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên

cãi nhau, không chia sẻ với nhau về công việc, kinh tế trong gia đình. Vợ, chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng. Ngoài ra, anh H còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh H có 02 con chung tên Đoàn Thị Kim Hoa, sinh ngày 30/7/2003 và Đoàn Thị Thanh Thảo, sinh ngày 04/02/2007. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Thị Thanh Thảo và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Riêng con chung Đoàn Thị Kim Hoa đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Đoàn Thanh H:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, lấy lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2022 cháu nnhows đăng ký tên nh trình bày:* Trường hợp bố mẹ không chung sống với nhau nữa cháu xin ở với mẹ, vì từ trước đến nay mẹ là người chăm sóc cháu.

- *Ngày 04/7/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Đoàn Thanh H tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Bích L không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường B, thành phố A cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng chị Nguyễn Thị Bích L và anh Đoàn Thanh H. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/7/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L với anh Đoàn Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T3 (nay là phường P, thành phố T3), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 04 ngày 05/11/2022 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, không chia sẻ với nhau về công việc, kinh tế trong gia đình. Vợ, chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng. Ngoài ra anh H còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ, chồng chị L và anh H. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không đến. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 04/02/2007. Tòa án đã triệu tập anh H để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*. Xét, cháu Đoàn Thị Thanh T đang sống ổn định với chị L; đồng thời cháu Thảo cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu Thảo cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Đối với con chung Đoàn Thị Kim Hoa hiện đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu anh Đoàn Thanh H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị L nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Đoàn Thanh H.

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Đoàn Thanh H [Theo Giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 04 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T3 (nay là phường P, thành phố T3), tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/11/2022].

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 04/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Đoàn Thị Kim Hoa hiện đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Bích L và anh Đoàn Thanh H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu anh Đoàn Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004006 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương